

LUẬN KINH DI LẶC BỒ TÁT SỞ VẤN QUYỂN 3

Hỏi: Đối với các thế gian, tâm không thấy mệt mỏi là sao?

Đáp: Lúc còn phần vị Kiến đạo, đã xa lìa nhân mệt mỏi như thân kiến... Câu nói này nói rõ nghĩa gì? Vì các phàm phu chấp lấy tướng ngã, bị bức nã do đủ loại khổ đau trong sinh tử, mà nảy sinh tâm mệt mỏi trong thế gian, Bồ-tát khi thấy thể của các pháp, đều xa lìa mọi vướng mắc về tướng ngã. Vì vậy đối với thế gian. Các vị tâm Bồ-tát không thấy mệt mỏi. Sở dĩ đối với các thế gian, tâm Bồ-tát không thấy mệt mỏi, là vì Bồ-tát đã xa lìa được năm sợ hãi. Việc này có nghĩa là gì? Bởi vì chúng sinh ở thế gian chưa lìa bỏ năm sợ hãi, như sợ không thể sống nổi..., khiến tâm họ thấy mệt mỏi đối với các thế gian. Bồ-tát đã xa lìa năm điều sợ hãi ấy..., đã xa lìa tướng ngã... đã tu tập công đức, trí tuệ đầy đủ. Vì vậy Bồ-tát thấy tâm mình không mệt mỏi đối với các thế gian. Lại có được một vị tâm làm lợi ích cho mọi người, cho nên tâm không mệt mỏi. Việc này có ý nghĩa gì? Bởi vì các Bồ-tát dựa vào tâm Từ Bi mà làm lợi ích cho mọi người, với tâm sâu xa khéo tu tập, giống như nước trong biển cả cùng chung một vị mặn. Bồ-tát cũng vậy, là một vị tâm làm lợi ích cho mọi người. Vì các Bồ-tát làm lợi ích cho mọi người, cũng chính là làm lợi ích cho mình. Vì lợi ích của chúng sinh mà tu tập và làm các việc, cho nên tâm Bồ-tát không thấy mệt mỏi đối với các thế gian. Tâm của Bồ-tát lại luôn được an trú, cho nên tâm không cảm thấy mệt mỏi đối với các thế gian. Việc này có ý nghĩa gì? Vì các Bồ-tát đối với các nẻo ác như, địa ngục dây đen, địa ngục hợp lại, địa ngục kêu la, địa ngục Đa-ba-na, địa ngục Ba-đa-ba-ba, địa ngục A-tỳ, địa ngục Cửu cứu la, địa ngục tử thi, địa ngục rừng dao, địa ngục rừng gươm, địa ngục bửa xẻ, địa ngục An-phù-đà, địa ngục A-ba-na, địa ngục A-tra-tra, địa ngục Ưu-bát-la, địa ngục Câu-vật-đầu, địa ngục Hương, địa ngục Phân-đà-lợi, địa ngục Ba-đầu-ma, với mọi thứ lạnh-nóng cam

chịu mọi khổ não, và cả nẻo súc sinh-ngạ quỷ trong ngục Nê-lê, A-tu-la, người-trời, cùng giết hại lẫn nhau, cùng dong ruổi tìm kiếm lời kéo cấu xé ăn thịt lẫn nhau, hoặc còn sống sót, hoặc đã tháo chạy, khởi lên tâm niệm ngã mạn, ganh ghét, giận hờn, ân ái biệt ly, oán ghét lại gặp nhau, Lão-bệnh-chết-lo buồn khổ não. Với những đau khổ như vậy, dù thấy-nghe nhưng Bồ-tát vẫn không xa rời việc làm đem lại lợi ích cho chúng sinh. Tâm Bồ-tát hoàn toàn không lui-không chuyển, hoàn toàn an trú vào tâm đại Bồ-đề, đó gọi là Bồ-tát đối với các thế gian mà tâm không hề mỗi mệ.

Không mỗi mệ là vì thế nguyện kiên cố. Điều này có nghĩa gì? Vì các Bồ-tát dựa vào tâm Từ Bi bình đẳng vĩ đại làm lợi ích cho chúng sinh, cuối cùng đạt được tâm sâu xa lấy đó làm căn bản cho mọi việc làm. Vì khéo biết tâm kiên cố, lại tùy thuận với những thế nguyện làm lợi ích cho chúng sinh, cho nên Bồ-tát đối với các thế gian mà tâm không cảm thấy mỗi mệ.

Hỏi: Tâm nguyện kiên cố của Đại Bồ-tát là gì?

Đáp: Có năm pháp gọi là thế nguyện vững chắc của Bồ-tát. Đó là:

1. Thừa Thanh văn không lay chuyển được Bồ-tát.
2. Thừa Bích-chi-Phật không lay chuyển được Bồ-tát.
3. Các lý luận của ngoại đạo không lay chuyển được Bồ-tát.
4. Tất cả các loài ma không lay chuyển được Bồ-tát.
5. Không vì không nhân-không duyên mà tự nhiên lay chuyển được Bồ-tát. Vì vậy nói tâm Bồ-tát không cảm thấy mỗi mệ đối với mọi thế gian.

Lại có năm pháp, đối với các thế gian mà tâm Bồ-tát không cảm thấy mỗi mệ:

1. Thấy suy tổn hay lợi ích mà tâm không lo buồn hay vui mừng.
2. Mọi việc làm đã hoàn tất vì biết như thật về đạo.
3. Biết như thật về đạo quả.
4. Chính mình đạt được vắng lặng.
5. Có tâm loại bỏ khổ đau phiền não cho mọi chúng sinh. Vì vậy Bồ-tát đối với thế gian mà tâm không thấy mỗi mệ.

Lại không mỗi mệ, vì có được tâm Đại Từ-tâm Đại Bi. Đây nói rõ nghĩa gì? Vì các Bồ-tát đã thành tựu được tâm Đại Bi, thấy mọi chúng sinh đang bị đắm chìm trong vũng bùn của cuộc sống rất khốn khổ... đang bị Vô minh làm cho mù lòa, bị buộc ràng do tham ái mà không có nơi nào quay về. Bồ-tát vì thành tựu năng lực của tâm Từ Bi và lấy trí

tuệ làm hàng đầu, siêng năng tu hành tinh tiến, cho nên cứu vớt được nỗi đau khổ của chúng sinh, vì mọi chúng sinh mà sẵn sàng chịu những nghiệp khổ não trong thế gian. Vì vậy, Bồ-tát đối với các thế gian mà tâm không biết mỗi mệt.

Lại có năm pháp, biết Bồ-tát có tâm Đại Từ Bi:

1. Cho chúng sinh sự ổn định và niềm vui, cho tất cả tiền của nuôi mạng sống mà không hề luyến tiếc.

2. Không tiếc thân mạng mình.

3. Không cần bảo vệ, luyến tiếc mạng sống của mình.

4. Tu tập tất cả các hạnh, bất kể thời gian giờ giấc.

5. Thương yêu bình đẳng, không phân biệt kẻ thân, người thù. Vì thế Bồ-tát không cảm thấy tâm mình mỗi mệt đối với các thế gian.

Lại không mỗi mệt là vì Bồ-tát có thể chịu đựng được tất cả mọi khổ não. Câu nói này có nghĩa gì? Bởi vì các Bồ-tát có thể dựa vào duyên lực cho nên tâm các Ngài luôn vững mạnh, trải qua vô số kiếp, có thể chịu đựng mọi sự khổ đau phiền não. Bởi vì có năng lực chịu đựng được tất cả khổ não, cho nên tâm Bồ-tát đối với thế gian không cảm thấy mỗi mệt.

Có năm pháp có khả năng chịu đựng mọi khổ não của thế gian:

1. Tin tưởng các pháp đều Vô ngã.

2. Tin tưởng các pháp đều Không.

3. Quán sát pháp thế gian.

4. Quán sát các nghiệp quả.

5. Quán sát các nghiệp đã hết, Bồ-tát vì mọi chúng sinh mà nhận chịu biết bao khổ đau phiền muộn trong Vô lượng kiếp.

Lại không mỗi mệt là do tâm sâu xa luôn mong cầu Bồ-đề Phật. Câu này có nghĩa gì? Vì Bồ-tát luôn dùng tâm sâu xa vui với cảnh Niết-bàn mà mong cầu Bồ-đề Phật. Do năng lực vững chắc và tăng trưởng, cho nên Bồ-tát đã vì tất cả chúng sinh mà gieo trồng chủng tử thiện căn làm nhân duyên Bồ-đề bằng cách thực hành các việc thế gian. Vì vậy Bồ-tát không thấy tâm mệt mỗi đối với các thế gian.

Lại có năm pháp mà Bồ-tát luôn mong cầu Bồ-đề vô thượng:

1. Không giống với trí của Thừa khác, mà hơn hẳn các thừa khác.

2. Là bậc tối thượng đứng đầu trong thế gian.

3. Tự độ mình.

4. Hóa độ người khác.

5. Đầy đủ tất cả tạng công đức.

Lại không mệt mỗi, là vì giáo hóa cho các chúng sinh. Câu này có

nghĩa gì? Mãi mãi Bồ-tát luôn vì các chúng sinh, có khả năng giáo hóa trong các thế gian, tùy thuận mà giáo hóa, đoạn trừ mọi khổ não của chúng sinh trong thế gian, tuy đang bị mọi mũi tên khổ sở đặng cay bắn tới, nhưng đối với thế gian mà tâm Bồ-tát không hề biết mệt mỏi.

Giáo hóa chúng sinh là quán sát tâm chúng sinh, tùy thuận mọi chúng sinh, đối với pháp năm thừa người nào nên tiếp nhận thì giáo hóa, Bồ-tát sẽ truyền trao cho họ. Năm Thừa đó là:

1. Thừa Ứng Chánh Biến Tri.
2. Thừa Bích-chi-Phật.
3. Thừa Thanh văn.
4. Thừa trời
5. Thừa người.

Lại không mệt mỏi là vì mạnh mẽ dũng cảm không sợ hãi. Câu này có nghĩa gì? Vì dựa vào năng lực trí tuệ, dựa vào sức dũng cảm không sợ hãi, cho nên Bồ-tát tuy bị bắn do mũi tên cay đặng của thế gian, nhưng đối với thế gian Bồ-tát vẫn không nảy sinh tâm mỗi mệt.

Có năm pháp biết được Bồ-tát dũng cảm không sợ hãi:

1. Đối với mọi việc suy hao hư hỏng mà tâm Bồ-tát không lo lắng.
2. Thành tựu tất cả các pháp lợi ích nhưng tâm Bồ-tát không vui mừng.
3. Dù nhận mọi khổ đau phiền não nhưng tâm vẫn không đau buồn.
4. Dù nhận niềm vui tốt đẹp nhưng Bồ-tát không lấy làm vui.
5. Hai trạng thái giận-mừng không thể biết được. Đó gọi là Bồ-tát dũng cảm mạnh mẽ không sợ hãi, cho nên biết.

Lại không mỗi mệt là vì Bồ-tát không đắm theo thân mạng. Câu này có nghĩa gì? Vì đắm vào thân mạng mà người thế gian luôn bị trúng mũi tên đau khổ của sinh tử, nhằm chán thế gian mà nảy sinh tâm niệm mỗi mệt. Bồ-tát vui với sự nghiệp lợi ích cho các chúng sinh, biết như thật về thân mạng cho nên Bồ-tát xả bỏ mà không tham đắm, chỉ vì muốn đem lại lợi ích cho tất cả chúng sinh. Vì vậy, Bồ-tát đối với các thế gian mà tâm không mỗi mệt. Bồ-tát có thể biết được năm pháp cho nên không dính mắc vào thân mình:

1. Biết thân mình không đến từ đời quá khứ.
2. Biết thân không hướng về đời vị lai.
3. Biết thân mình không phải là pháp vững chắc.
4. Biết thân mình, không thật có thần ngã.

5. Biết thân mình không thật có ngã sở.

Vì vậy mà Bồ-tát không đắm theo tự thân. Bồ-tát có khả năng biết năm pháp cho nên không tham đắm thân mạng:

1. Sống dựa vào trí tuệ chứ không theo cách sống bất chánh.
2. Sợ tất cả các pháp bất thiện.
3. Quán sát từ vô thủy đến nay chưa từng có ai không chết.
4. Cùng chung một cõi sống hữu lậu với tất cả các chúng sinh.
5. Không thể bảo tồn mạng sống lâu dài.

Lại không mệt mỏi, là vì không đắm say niềm vui của mình. Câu này có nghĩa gì? Bởi vì các chúng sinh vì đam mê niềm vui của mình, mà phải chịu đựng mọi thống khổ nảy sinh tâm mệt mỏi. Bồ-tát xả bỏ niềm vui của riêng mình, cứu vượt nỗi đau khổ của chúng sinh, vì vậy đối với các thế gian, tâm niệm Bồ-tát không cảm thấy mệt mỏi.

Bồ-tát biết như thật về năm pháp không mong cầu niềm vui riêng mình:

1. Nhận biết niềm vui như bọt nước.
2. Nhận biết khi niềm vui tàn hoại thì sẽ đau khổ.
3. Có được phương tiện thế gian, vì các Bồ-tát dựa vào thiện tri thức, lắng nghe chánh pháp, lắng lòng tư duy để làm căn bản, đạt được phương tiện xuất thế cho mình và cho chúng sinh.
4. Không dựa vào trí của người khác.
5. Dựa vào trí lực của mình

Lại không mỏi mệt là vì Bồ-tát luôn nhận thấy tất cả các thiện pháp đều hiện rõ trước mặt. Câu này có nghĩa gì? Vì các Bồ-tát dựa vào năng lực trợ lực mà đạt được quả báo, vì các thiện pháp đều dựa vào năng lực trợ lực. Những sự việc trong Vô lượng kiếp, Bồ-tát đang thấy như một giấc chiêm bao. Trong đời vị lai, Bồ-tát không dựa vào năng lực người khác, chỉ dựa vào sức trợ lực của chính mình để tu tập các thiện pháp dấy lên tư duy như vậy: Nhất thiết chủng trí không phải là người khác có thể cho mình, mà dựa vào năng lực của mình có được. Bồ-tát nhận biết như vậy, cho nên không dựa vào người khác, tự phát tâm tinh tiến tu tập các hạnh, nhanh chóng đạt được quả vị Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Như Đức Phật bảo Tôn giả A-nan: “Chỉ có tinh tiến Ba-la-mật mới có khả năng chứng đắc Bồ-đề”. Vì vậy, Bồ-tát đối với các thế gian mà tâm không cảm thấy mỏi mệt.

Lại không mỏi mệt là vì chứng ngộ trí tự nhiên. Câu này có nghĩa gì? Bởi vì các Bồ-tát đã vượt qua nhân của sự dựa vào mỏi mệt, cho nên thành tựu tâm không mỏi mệt. Bồ-tát khéo nhận biết tất cả các

pháp nhân duyên, dựa vào pháp này phát sinh pháp kia và tăng trưởng dần theo thứ tự, như các bậc thang. Bồ-tát dựa vào căn bản Bát nhã mà thành tựu tinh tiến. Vì vậy, Bồ-tát nhanh chóng chứng ngộ phần vị Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Vả lại, các câu như không lui sụt-không thay đổi..., trong tất cả các kinh khác đã nói rộng, nên biết!

Lại còn có nghĩa nói về không lui sụt là vì thành tựu được pháp của tâm sâu xa. Không lui sụt là vì được thành tựu việc thực hành tâm Xả. Nói không thay đổi là vì được thành tựu pháp của tâm sâu xa. Hàng phục tất cả các ma thù oán, là vì Bồ-tát đã thành tựu tâm khéo nhận biết phương tiện hồi hướng.

Nhận biết như thật về tướng tự Thể của tất cả các pháp là vì đã thành tựu sự khéo nhận biết phương tiện. Đối với các thế gian, tâm Bồ-tát không thấy mỗi một, vì đã thành tựu tâm Đại Từ Đại Bi. Vì tâm không biết mỗi một cho nên không dựa vào trí của người khác, mà Bồ-tát nhanh chóng thành tựu vị Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, vì đã thành tựu Bát nhã Ba-la-mật. Vì vậy Đức Phật bảo Bồ-tát Di-lặc: “Bồ-tát đã hoàn toàn thành tựu tám pháp, không thối chuyển đối với Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác...”.

Hỏi: Vì sao Đức Như Lai chỉ nói có tám pháp, không nhiều không ít?

Đáp: Đây không phải là câu hỏi chính đáng. Vì sao? Nếu Như Lai có nói nhiều hay ít hơn, thì đâu cần thiết để đặt thành câu hỏi. Tuy nhiên, không phải không có nhân duyên làm cho Phật-Thế Tôn nói về tám pháp này. Vì tám pháp này thành tựu đầy đủ cho nhân Bồ-đề. Câu đó có nghĩa gì? Từ sự thành tựu tâm sâu xa cho đến Bát-nhã Ba-la-mật, phải thành tựu hoàn toàn tám pháp này, Bồ-tát mới đầy đủ công đức, trí tuệ, nhanh chóng thành tựu Nhất thiết chủng trí. Vì tám pháp này đầy đủ thì thành tựu nhân của Bồ-đề Phật, cho nên Đức Như Lai chỉ nói tám pháp này mà không nhiều không ít.

Sở dĩ Đức Như Lai chỉ nói tám pháp này là vì tám pháp này thâm nhiếp đạo Bồ-tát. Điều này chứng tỏ nghĩa gì? Nói gọn, Bồ-tát có hai đạo:

- Đạo phương tiện sai biệt.
- Đạo trí tuệ.

Các câu như thành tựu tâm sâu xa cho đến phương tiện... là chỉ rõ về đạo phương tiện sai biệt.

Thành tựu Bát nhã Ba-la-mật, là chỉ rõ về đạo trí tuệ. Vì vậy trong

kinh Văn Thù Sư Lợi Vấn Bồ Đề, Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi nói: “Này các Thiên tử! Nói gọn về đạo Bồ-tát Ma-ha-tát thì có hai, đó là nói gọn về đạo nhanh chóng đạt được vị Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Hai đạo đó là:

1. Đạo phương tiện.

2. Đạo trí tuệ.

- Đạo phương tiện, là biết thấu nhiếp các thiện pháp.

- Đạo trí tuệ là trí nhận biết như thật về các pháp.

Phương tiện: là quán sát mọi chúng sinh.

Trí tuệ: là trí xa rời các pháp.

Phương tiện là nhận biết các pháp tương ứng. Trí tuệ là trí nhận biết các pháp không tương ứng.

Phương tiện là quán sát các nhân của đạo. Trí tuệ là trí diệt trừ các nhân của đạo.

Phương tiện là nhận biết sự khác nhau của các pháp. Trí tuệ là trí nhận biết các pháp không hề khác nhau.

Phương tiện là trang nghiêm cõi Phật. Trí tuệ là trí trang nghiêm cõi Phật bình đẳng, không sai biệt.

Phương tiện là đi vào các căn tánh của chúng sinh mà hành. Trí tuệ là trí không thấy chúng sinh.

Phương tiện là con đường dẫn đến đạo tràng. Trí tuệ là trí có khả năng chứng ngộ tất cả pháp Bồ-đề Phật.

Chính vì nghĩa này, cho nên Đức Như Lai chỉ nói có tám pháp chứ không nhiều hơn hay ít hơn.

Sở dĩ Đức Như Lai chỉ nói tám pháp là vì muốn thấu nhiếp cả trợ đạo và đoạn đạo. Việc này có nghĩa gì? Chính trong kinh ấy đã nói: “Lại nữa, này Thiên tử! Các Đại Bồ-tát lại có hai đạo, nói gọn là các Đại Bồ-tát do hai đạo này mà nhanh chóng chứng ngộ Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Hai đạo đó là: 1. Đạo hỗ trợ; 2. Đạo đoạn.

Đạo hỗ trợ là năm pháp Ba-la-mật. Đạo đoạn là Bát-nhã Ba-la-mật.

Từ tâm sâu xa cho đến phương tiện dùng làm đạo hỗ trợ, thấu nhiếp năm Ba-la-mật, thành tựu tâm Xả là gồm trong Bồ thí Ba-la-mật, thành tựu tâm hạnh là gồm trong Trì giới Ba-la-mật, thành tựu tâm sâu xa thấu nhiếp Nhẫn nhục Ba-la-mật, thành tựu tâm khéo biết phương tiện hồi hướng và thành tựu khéo biết phương tiện, gồm trong Tinh tiến Ba-la-mật, thành tựu tâm Đại Từ và thành tựu tâm Đại Bi thấu nhiếp Thiền Ba-la-mật, thành tựu Bát-nhã Ba-la-mật thấu nhiếp đạo đoạn.

Như vậy, đạo có trở ngại, đạo không trở ngại, hữu lậu, vô lậu... đều có thể hiểu một cách tương tự như vậy, cho nên biết.

Vả lại, thâm nhiếp đạo hữu lượng và đạo Vô lượng. Như trong kinh kia nói: “Lại nói gọn có hai loại đạo:

1. Đạo hữu lượng.
2. Đạo Vô lượng”.

Đạo hữu lượng là phân biệt chọn lấy tướng. Đạo Vô lượng là phân biệt không chọn lấy tướng.

Bảy câu; từ Tâm sâu xa cho đến phương tiện... là phân biệt chọn lấy tướng thâm nhiếp trong đạo hữu lượng, cho nên biết.

Như vậy thành tựu Bát-nhã Ba-la-mật là phân biệt không chọn lấy tướng, thâm nhiếp trong đạo Vô lượng, cho nên biết.

Như vậy, bốn gia, bốn nhiếp, bốn Vô lượng, ba mươi bảy phẩm, tất cả công đức của các Đại Bồ-tát tùy theo nghĩa tương ứng với tám pháp, đều thâm nhiếp trong đó cả, cho nên biết như vậy.

Hỏi: Nên nói về nghĩa của tâm sâu xa. Thế nào nghĩa của tâm sâu xa?

Đáp: Nghĩa của tâm sâu xa là tâm thật sự không trú, chẳng phải là tâm tương ứng. Tướng sai khác của sử mạn tương ứng với năm ấm mà khởi nghiệp tu hành làm tăng trưởng nhân quả, trái ngược với nhân của tâm sâu xa, trái ngược với quả của Niết-bàn. Tâm sâu xa lìa tu hành căn thiện, chẳng phải là tâm tương ứng. Hành thuộc về tụ ấm, Thế tùy thuận quả Niết-bàn, cũng như dựa vào Văn tuệ mà phát sinh những tuệ khác, đó gọi là tâm sâu xa.

Vả lại, tâm sâu xa là tâm trú trong chốc lát, lìa khỏi tâm tương ứng. Thế hành của thiện căn, dựa vào hành mà khởi hạnh, giống như dòng nước cuộn cuộn chảy, tuần tự nảy sinh các pháp, đó gọi là tâm sâu xa.

Tâm sâu xa là dựa vào chủng tử mà phát sinh, giống như các loại sữa, tất cả pháp thiện tùy thuận nhân duyên tu hành pháp thiện thì gọi là tâm sâu xa.

Tâm sâu xa ví như vật bị cuốn lại đã lâu, tuy tạm thời kéo duỗi ra nhưng buông rời vẫn trở ngại như cũ. Tâm sâu xa cũng vậy, tùy theo nhân vốn có mà tạo ra các pháp, rồi trở ại tiếp tục như cũ, không thể nói nó là một-không thể nói là khác, đó là tâm sâu xa.

Tâm sâu xa là tu học pháp thiện, gọi là tâm sâu xa. Tâm sâu xa là tâm tu hành tất cả các pháp của thiện căn và thành tựu, pháp Đại Niết-bàn không mất, không thêm, không bớt, đó gọi là tâm sâu xa.

Hỏi: Như trong kinh Tỳ Ma La Kiết Lợi Trí Sở Thuyết có nói: “Đại Bồ-tát tu tập Vô lượng công hạnh thì có Vô lượng tâm”. Tâm sâu xa này là khởi hạnh gì?

Đáp: Tâm sâu xa này đều có khả năng phát khởi cầu Bồ-đề Phật, tất cả các hạnh đó gọi là tâm sâu xa. Vì sao? Vì tâm sâu xa này phát sinh tất cả các nhân Bồ-đề, đều có khả năng tăng trưởng sức mạnh của các công đức. Ví như trì giới vậy. Đây nói rõ nghĩa gì? Như người trì giới đạt được thiện căn trì giới, Vô lượng sự khác nhau của tất cả pháp thiện, đều gọi là trì giới, mà ba nghiệp thân-miệng-ý đều được thành tựu, cũng gọi là trì giới. Vì sao? Vì nghiệp thân-miệng-ý làm căn bản cho các pháp thiện. Tâm sâu xa cũng vậy, lấy tất cả các thiện hạnh làm căn bản cho nhân Bồ-đề Phật. Vì vậy trong kinh Lão Da Sơn Đảnh, “Thiên tử Nguyệt Tịnh Quang Đức hỏi Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi: Tâm thanh tịnh và sâu xa của các Đại Bồ-tát lấy gì làm gốc? Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi trả lời: Đây Thiên tử! Tâm thanh tịnh sâu xa của các Đại Bồ-tát lấy tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác làm gốc”. Vì nghĩa đó cho nên trong kinh này đã nói đến tâm sâu xa.

Lấy tâm Bồ-đề làm gốc, như trong kinh Kim Cang Mật Tích đã nói.

Với công đức của tâm sâu xa, các Đại Bồ-tát không lừa dối thế gian, vậy cho nên nói đó là nhân Bồ-đề, cho nên biết như vậy.

Hỏi: Vì nghĩa gì mà có thể nói Bồ-tát đã thành tựu tâm sâu xa?

Đáp: Vì tất cả pháp đối trị không thể lay chuyển được tâm sâu xa. Đây nói rõ nghĩa gì? Nghĩa là mọi khổ não không thể lay chuyển được, và tất cả Bồ-tát đều mong cầu tâm Bồ-đề. Chính lúc đó, Bồ-tát có thể gọi là thành tựu tâm sâu xa, cho nên biết như vậy.

Thân khác của các Bồ-tát với tâm vui mừng, có sức hàng phục tâm vui mừng của tự thân. Câu này có nghĩa gì? Vì Bồ-tát đó tự cầu tâm vui mừng, để mang lại niềm vui cho người khác mà hàng phục tâm sâu xa. Lúc đó Bồ-tát có thể gọi là thành tựu tâm sâu xa, cho nên biết. Lại nữa, thành tựu tâm sâu xa bởi vì đạt đến nơi cuối cùng. Câu này nói về nghĩa gì? Vì dựa vào tâm sâu xa với pháp bậc thấp-vừa và cao theo thứ tự mà được tăng trưởng, cho đến hoàn toàn vững chắc, gọi là thành tựu tâm sâu xa, cho nên biết.

Thành tựu tâm sâu xa, bởi vì phát sinh tâm khó xả mà có thể xả. Câu này có nghĩa gì? Nếu các Bồ-tát tu hạnh bố thí mà lại khó thực hành bố thí, lúc này tâm sâu xa sẽ phát khởi tu hành với tâm bình đẳng thành tựu hạnh bố thí. Chính khi đó Bồ-tát được gọi là thành tựu tâm

sâu xa, cho nên biết. Như trong kinh Thánh Giả Vô Tận Ý có nói: Vì Đâu-đà là việc làm rất khó xả mà có thể xả, thì gọi là thành tựu tâm sâu xa, nên biết.

Thành tựu tâm sâu xa là vì có khả năng hàng phục tâm keo kiệt, ganh ghét... Câu này có nghĩa gì? Vì các Bồ-tát đã hoàn toàn thành tựu tâm sâu xa, cho nên có khả năng hàng phục các pháp trái ngược với đạo Bồ-đề như tánh keo kiệt, ganh ghét... Lúc đó Bồ-tát gọi là thành tựu tâm sâu xa, cho nên biết. Như trong kinh Thánh Giả Vô Tận Ý có nói: Đại đức Xá-lợi-phất! Các Bồ-tát có tâm sâu xa, bởi vì tâm niệm ganh ghét đã hàng phục và giáo hóa chúng sinh keo kiệt, ganh ghét..." Như vậy gọi là thành tựu tâm sâu xa, cho nên biết.

Thành tựu tâm sâu xa, là vì nhân quả không cùng tận. Câu này có nghĩa gì? Vì nhân quả trong tâm sâu xa của các Bồ-tát là không cùng tận, chính lúc đó được gọi là Bồ-tát mềm mỏng, cho nên biết.

Nhân không cùng tận, là vì sự tu hành rộng lớn Vô lượng vô biên. Quả không cùng tận, là tất cả pháp Phật đều Vô lượng vô biên, không đoạn tuyệt với nhân của Tam bảo.

Trong kinh Vô Tận Ý có đoạn nói: "Bồ-tát, tu hành bố thí với tâm sâu xa... bởi vì Bồ-tát có thể xả thí tất cả vật cần dùng, đó gọi là Bồ-tát thành tựu tâm tu hành.

Lại nói: "Đại đức Xá-lợi-phất! Với mười lực-bốn pháp vô úy và mười tám pháp bất cộng của chư Phật Như Lai, nói gọn cho đến tất cả các pháp Phật đều không thể cùng tận, cho nên tâm sâu xa không thể cùng tận." Bởi vì quả tu hành không thể cùng tận, cho nên nói Bồ-tát thành tựu tâm sâu xa.

Thành tựu tâm sâu xa, là dựa vào kinh này nói, cho nên biết. Trong kinh này nói: "Này Di-lặc! Nếu Đại Bồ-tát nghe người nào ca ngợi Phật hay chê bai Phật, tâm Bồ-tát hoàn toàn vững chắc, không lay động đối với quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Như vậy, nếu nghe người nào ca ngợi Pháp-Tăng, hay chê bai Pháp-Tăng cũng lại như vậy.

Bồ-tát thấy biết như thật về mười hai nhân duyên như vậy, tức là biết Pháp thân của chư Phật Như Lai, thành tựu tâm kiên cố đối với Tam bảo. Bởi vì đạt được trí vô lậu, cho nên tâm hoàn toàn sâu xa. Tất cả ngoại đạo, các ma thù oán không thể làm cho lui bước, vì vậy Bồ-tát thành tựu tâm sâu xa.

Hỏi: Vì nghĩa gì mà trước hết nói về tâm sâu xa, sau đó nói về việc tu hành?

Đáp: Vì sự tu hành của Bồ-tát là nhân của trí chứng ngộ. Câu này

có nghĩa gì? Tâm tu hành có khả năng làm nhân chứng ngộ cho tâm sâu xa. Khi tâm Đại Từ, Đại Bi khởi lên thì tâm này chính là tâm bảo vệ, duy trì phần vị Phật, cho nên biết như vậy.

Nhưng tâm sâu xa kia thì không thể trông thấy được, bởi vì dựa vào tâm sâu xa, các thức như nhãn nhĩ... ở trong cảnh giới không có thể phát khởi những tâm gây tổn hại, vì làm lợi ích cho người khác mà xa lìa những hành nghiệp như giết hại..., nêu rõ về tâm của Bồ-tát. Vì ý nghĩa này cho nên trước hết nói về tâm sâu xa, sau đó nói đến việc tu hành, cho nên biết.

Lại còn chỉ rõ nghĩa thứ tự. Câu này có nghĩa gì? Vì tất cả các pháp cần phải phát sinh theo thứ tự như vậy, cho nên trước nói về tâm sâu xa, sau nói đến việc tu hành.

Hỏi: Thế nào là nghĩa tu hành?

Đáp: Vì lợi ích của người khác mà phát sinh nghiệp của thân-miệng-ý với tâm niệm sâu xa không gây tổn hại nuôi dưỡng việc làm lợi mình và lợi người, đó gọi là tu hành.

Hỏi: Thế nào là Bồ-tát thành tựu việc tu hành?

Đáp: Vì Bồ-tát không cùng chung với ngoại đạo, Thanh văn và Bích-chi-Phật. Câu này có nghĩa gì? Vì mong cầu khoái lạc thế gian mà các ngoại đạo tu tập nghiệp đạo thiện, vì tham đắm niềm vui và quả báo của thế gian mà tu tập các hạnh thành tựu quả báo thế gian. Bởi vì thành tựu quả báo thế gian cho nên họ không có thể thành tựu tu hành được. Lại nữa, vì Thanh văn và Bích-chi-Phật... đều mong cầu niềm vui Niết-bàn mà tu tập nghiệp đạo thiện, từ bỏ tâm Đại Bi cho nên chỉ thành tựu phần vị Niết-bàn Tiểu thừa. Đối với phần vị Bồ-tát, thì hàng Thanh văn kia không được gọi là thành tựu sự tu hành. Bồ-tát đã vượt lên trên tất cả thế gian, nhận thấy mọi lỗi lầm của các thế gian, thậm chí không đắm theo những quả báo yên vui của Chuyển luân Thánh vương. Tuy có khả năng chứng được Niết-bàn của Tiểu thừa, nhưng vì dựa vào tâm dũng mãnh Từ Bi vĩ đại, cho nên Bồ-tát từ bỏ niềm vui Niết-bàn mà mong cầu Bồ-đề Phật. Tu hành mười thiện nghiệp vì cứu độ tất cả các chúng sinh, thâm nhiếp những đại nguyện thù thắng, tâm Bồ-tát chỉ vì Nhất thiết chủng trí, lấy mười thiện nghiệp đạo cuối cùng, cho nên Bồ-tát không đồng với tất cả ngoại đạo, Thanh văn và Bích-chi-Phật... khi tu hành mười thiện nghiệp đạo. Vì vậy, gọi là thành tựu việc tu hành.

Thành tựu việc tu hành, là thọ trì và làm tăng thượng mười thiện nghiệp đạo. Câu này có nghĩa gì? Vì sự tu hành của Bồ-tát vượt lên trên

mười thiện nghiệp đạo của Thanh văn và Bích-chi-Phật... Vì vậy gọi là thành tựu sự tu hành.

Các Đại Bồ-tát có năm pháp hơn hẳn mười thiện nghiệp đạo của Thanh văn. Đó là:

1. Chuyên tâm tu hành.
2. Thường tu hành.
3. Tự thân được yên ổn.
4. Vì sự yên ổn cho thân người khác.
5. Khéo thanh tịnh.

Chuyên tâm tu hành là tâm hoàn toàn không xa lìa một vị. Thường tu hành là không đoạn tuyệt, không ngừng nghỉ. Vì sự yên ổn của tự thân, là tự thân đạt được sự yên ổn của trời-người và đại Bồ-đề. Vì sự yên ổn của thân người khác, là mang lại sự yên ổn tất cả chúng sinh, cuối cùng hồi hướng đại Bồ-đề, vì cứu giúp vô số chúng sinh vượt qua đau khổ.

Khéo thanh tịnh, là không phá, không nhắc nhở, không nhiễm ô, không bị lệ thuộc, khéo cứu cánh, không ăn, được người trí khen ngợi.

Phá, là một phần tu sửa-một phần không tu sửa, cho nên gọi là phá. Vì vậy Bồ-tát tu sửa đầy đủ, gọi là không phá.

Nhắc nhở, là chính mình không tu hành, không khuyên bảo người khác tu hành, cho nên gọi là nhắc nhở. Bồ-tát luôn tự mình tu hành cũng khuyên bảo người khác tu hành, cho nên gọi là không tra xét.

Nhiễm ô là chính mình không tu hành, không bày cho người khác tu hành, thấy người khác tu hành mà tâm tùy hỷ, cho nên gọi là nhiễm ô. Bồ-tát tu hành đầy đủ gọi là không nhiễm ô.

Lệ thuộc, là phải dựa vào trí của người khác mới có thể tu hành, cho nên gọi là lệ thuộc. Bồ-tát không dựa vào trí của người khác mà vẫn có thể tu hành, cho nên gọi là không bị lệ thuộc.

Khéo cứu cánh là tập trung nhớ nghĩ rất ráo về tâm dục, tập trung nhớ nghĩ rất ráo về tâm ái, tập trung nhớ nghĩ rất ráo về tâm cung kính, tập trung nhớ nghĩ rất ráo về tâm tin tưởng, tập trung nhớ nghĩ rất ráo về tâm lo sợ, tập trung nhớ nghĩ rất ráo về tâm vô thường. Vì nghĩa này cho nên gọi là khéo cứu cánh.

Ăn, là quay lại tưởng về chọn lấy cái có, có tiền của giúp cho sự sống, cho nên gọi là ăn. Bồ-tát không chọn lấy cái có, cho nên gọi là không ăn.

Người trí không khen ngợi, là hồi hướng về thế gian trong thừa Thanh văn và Bích-chi-Phật, từ Đại thừa mà quay về thừa Thanh văn và

Bích-chi-Phật, gọi là điều mà người trí không ca ngợi. Bồ-tát không hồi hướng về thế gian trong thừa Thanh văn và Bích-chi-Phật, từ Đại thừa Bồ-tát không hồi hướng về thừa Thanh văn và Bích-chi-Phật. Như vậy gọi là người trí ngợi khen.

Thành tựu sự tu hành, là vượt ra ngoài tất cả các thế gian. Câu này có nghĩa gì? Có nghĩa là các Bồ-tát tu hành mười thiện nghiệp đạo, hơn hẳn các thế gian, vì vậy gọi là thành tựu sự tu hành, cho nên biết như vậy.

Bồ-tát có năm pháp để tu hành mười thiện nghiệp đạo, có thể vượt lên trên tất cả thế gian:

1. Nguyện.
2. Yên ổn.
3. Tâm sâu xa.
4. Khéo thanh tịnh.
5. Phương tiện.

Nguyện, là mọi sự phát nguyện của Đại Bồ-tát thì tất cả phạm phu, Thanh văn và Bích-chi-Phật đều không thể phát nguyện như vậy. Bởi vì Bồ-tát dựa vào lời phát nguyện tu hành mười thiện nghiệp đạo thì có khả năng vượt qua tất cả thế gian, như trong kinh của Đại thừa, kinh Vô Cấu Đức Nữ Sở Thuyết có nói: “Này Tôn giả Mục-kiền-liên! Các Đại Bồ-tát từ lúc mới phát tâm cho đến khi ngồi đạo tràng thường vì tất cả thế gian trời-người mà làm ruộng phước, hơn hẳn các Thanh văn và Bích-chi-Phật.”

Yên ổn, là bởi vì các Bồ-tát tuy bị sự bức não vì khổ đau vô cùng, sâu nặng của tất cả thế gian mà không có thể thay đổi, vẫn giữ lấy tâm cầu Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Vì Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác cho nên Bồ-tát chuyên tâm tu hành mười thiện nghiệp đạo. Bồ-tát dựa vào tâm yên ổn mà tu hành mười thiện nghiệp đạo, thì có khả năng vượt qua khỏi tất cả thế gian.

Tâm sâu xa là do sự tu hành tối thắng, bởi vì các Bồ-tát với tâm yêu thương chúng sinh rất sâu sắc mà tu hành mười thiện nghiệp đạo. Bồ-tát dựa vào tâm sâu xa mà tu hành mười thiện nghiệp đạo, thì có khả năng vượt ra ngoài tất cả thế gian.

Thanh tịnh là từ địa thứ hai trở lên thì gọi Bồ-tát thanh tịnh. Vì sao? Vì các Đại Bồ-tát có ba loại thanh tịnh để tu hành mười thiện nghiệp đạo. Bồ-tát dựa vào sự thanh tịnh mà tu hành mười thiện nghiệp đạo, thì có khả năng vượt ra ngoài tất cả thế gian.

Phương tiện, là Bồ-tát ở trong pháp như thế nào, dùng phương tiện

như thế nào mà tu hành mười thiện nghiệp đạo? Bồ-tát có đủ phương tiện, còn chúng sinh thế gian đều không có phương tiện như vậy. Bồ-tát dựa vào năng lực phương tiện mà tu hành mười thiện nghiệp đạo, thì có khả năng vượt ra ngoài tất cả thế gian.

Thành tựu sự tu hành là do thời gian... Vô lượng. Câu này có nghĩa gì? Vì các Bồ-tát đã sống trong Vô lượng kiếp, đã tu hành mười thiện nghiệp đạo và Vô lượng hạnh... vì vậy Bồ-tát thành tựu việc tu hành.

Các Bồ-tát lại có năm pháp mà tu hành Vô lượng mười thiện nghiệp đạo. Đó là:

1. Vô lượng đời.
2. Vô lượng pháp thiện.
3. Vô lượng quán.
4. Vô lượng tận.
5. Vô lượng hồi hướng.

Vô lượng đời là vì các Bồ-tát đã trải qua Vô lượng đời tu hành mười thiện nghiệp đạo, vì vậy Bồ-tát đã tu hành mười thiện nghiệp đạo trong Vô lượng thời gian.

Vô lượng pháp thiện, là vì các Bồ-tát tu hành Vô lượng pháp thiện, vì pháp thiện kia là Vô lượng, cho nên Bồ-tát đã khởi sự tu hành Vô lượng nghiệp đạo thiện. Như trong kinh Như Lai Thanh Tịnh Tỳ Ni Đại Thừa có nói: “Này Ca-diếp! Như trong bốn biển rộng chứa đầy sữa tươi, đủ dùng cho tất cả chúng sinh. Đại Bồ-tát tu tập tất cả thiện căn hữu vi cũng lại như vậy. Bởi vì các Bồ-tát hồi hướng chọn lấy trí vô lậu ấy, có năng lực giúp cho tất cả chúng sinh được sử dụng”.

Các Bồ-tát hồi hướng đều nhận lấy trí vô lậu kia để có thể cùng với chúng sinh mà thọ dụng.

Vô lượng quán sát là vì Vô lượng chúng sinh mà quán sát, các Bồ-tát không phải vì chúng sinh có số lượng mà tu hành mười thiện nghiệp đạo, không dấy lên ý niệm như vậy. Mình vì bao nhiêu chúng sinh mà tu tập thiện căn, hay không vì bao nhiêu chúng sinh mà tu tập thiện căn. Vì các Bồ-tát đều quán tất cả chúng sinh để tu tập thiện căn, cho nên Bồ-tát được Vô lượng thiện nghiệp.

Vô lượng tận, như trong kinh Như Lai Thanh Tịnh Tỳ Ni có nói: “Này các Thiên tử! Ví như Trưởng giả có Vô lượng của cải, là người Đại Xả, là người thực hành tâm Đại Từ, là người thực hành tâm Đại Bi, là người chủ buôn vĩ đại, vì thương xót tất cả các chúng sinh mà làm người tu hành với tâm không thối chuyển, khởi tâm như vậy: Mình có thể ban cho tất cả chúng sinh kia Vô lượng vô biên niềm vui yên ổn.

Này các Thiên tử! Đại Bồ-tát cũng lại như vậy. Bởi vì trú trong tâm sâu xa làm cho các chúng sinh được trú trong tâm yên ổn mà phát khởi tâm đại tinh tiến và tư duy như vậy: Mình nên giáo hóa Vô lượng vô biên chúng sinh đang bị khổ não, đều được an lành trong niềm vui của cảnh Niết-bàn. Vì vậy Bồ-tát tu hành Vô lượng tận.

Vô lượng hồi hướng, là như trong địa thứ nhất phát khởi Vô lượng nguyện hạnh gồm mười câu cùng tận, Bồ-tát đã dùng mười câu cùng tận Vô lượng đó để tu hành mười thiện nghiệp đạo, cũng lại Vô lượng. Vì do dựa vào hồi hướng Vô lượng trước đây, cho nên Đại Bồ-tát tu hành tất cả nghiệp đạo thiện và kết quả cũng lại Vô lượng, đó gọi là Vô lượng hồi hướng. Thành tựu sự tu hành là vì chân thật. Câu này có nghĩa gì? Vì các Đại Bồ-tát đã tu hành chân thật và hy hữu đối với mười thiện nghiệp đạo, vì vậy Bồ-tát thành tựu sự tu hành. Bồ-tát có năm pháp thành tựu hiếm có:

1. Phát tâm dũng mãnh vĩ đại.
2. Tinh tiến.
3. Kiên cố.
4. Tuệ.
5. Kết quả.

Phát tâm dũng mãnh vĩ đại là; Phát tâm có thể đạt được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Giả sử có người hoặc dùng ngón tay kẹp chặt, hoặc một lòng tay, có thể nâng ba ngàn đại thiên thế giới đứng vững trải qua Vô lượng kiếp, thì việc này không phải là khó. Phát tâm có thể đạt được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác thì việc này thật là khó. Vì vậy Bồ-tát tu hành nghiệp đạo thiện là sự thành tựu hiếm có.

Tinh tiến Bồ-tát dấy lên tư duy như vậy: Chúng sinh có thể phát tâm dũng mãnh vĩ đại, chịu khó tinh tiến Vô lượng vô biên thì vẫn còn ít không đáng nói đến, nếu người nào có khả năng tinh tiến mong cầu Bồ-đề thì thật là hiếm có. Vì vậy nếu Bồ-tát muốn cầu Vô lượng công đức hiếm có bậc nhất, thì dựa vào sự tinh tiến vĩ đại mà tu tập nghiệp đạo thiện, cho nên Bồ-tát tu hành nghiệp đạo thiện là sự thành tựu hiếm có.

Kiên cố, là vì các Bồ-tát phát tâm đại tinh tiến mà tu hành nghiệp đạo thiện, trú trong năng lực kiên cố hiếm có bậc nhất, có thể tiến đến tận cùng của sự tinh tiến. Vì vậy Bồ-tát tu hành nghiệp đạo thiện là sự thành tựu hiếm có.

Tuệ Bồ-tát dấy lên tư duy như vậy: Các pháp dũng mãnh-tinh tiến và kiên cố... đều dựa vào căn bản của Bát-nhã mà có được, vì vậy Bát-

nhã là pháp hy hữu. Tại sao? Vì dựa vào Bát-nhã mà có được sự dũng mãnh, tinh tiến và kiên cố, cho nên Bồ-tát tư duy như vậy: “Mình dựa vào pháp Bát-nhã hiếm có để tu hành nghiệp đạo thiện”. Vì thế Bồ-tát thành tựu tâm Bát-nhã.

Kết quả, bởi vì dựa vào sự tu hành nghiệp đạo thiện... mà có thể sinh ra kết quả, chứng được Vô lượng vô biên tất cả pháp Phật. Vì vậy nói Bồ-tát thành tựu pháp hiếm có.

Lại nữa, thành tựu tu hành là do phương tiện thâm nhiếp. Câu này có nghĩa gì? Vì các Bồ-tát dựa vào sức mạnh của phương tiện mà thâm nhiếp hết thấy, bởi vì, việc tu hành nghiệp đạo thiện không giống với sự tu hành nghiệp đạo thiện của Thanh văn và Bích-chi-Phật. Vì vậy Bồ-tát thành tựu sự tu hành.

Bồ-tát có năm pháp thâm nhiếp phương tiện, nên biết! Đó là:

1. Trí thời gian-nơi chốn.
2. Trí quay lại hòa nhập.
3. Trí hòa hợp.
4. Trí vừa ý.
5. Trí thứ tự.

Trí thời gian-nơi chốn, là theo thời gian như thế nào nên nói pháp như vậy, theo nơi chốn như thế nào nên nói pháp như vậy. Tuy theo thời gian như thế nào nên giáo hóa chúng sinh như vậy, tùy theo nơi chốn như thế nào nên giáo hóa chúng sinh như vậy. Bồ-tát đều nhận biết như thật về tất cả việc đó, dùng trí theo thời gian như vậy, nơi chốn như vậy, giáo hóa chúng sinh như vậy và như vậy, đó gọi là trí thời gian-nơi chốn.

Trí quay lại hòa nhập là Bồ-tát đã biết như thật về tất cả chúng sinh ở trong pháp ngoại đạo thích hợp quay lại như vậy, nhận biết như thật ở trong pháp Phật phải hòa nhập như vậy.

Biết như thật về quay lại như vậy, biết như thật về sự thiết lập trong niềm an lạc, biết như thật về thiết lập trong pháp Phật như vậy không còn quay lại chọn lấy pháp của ngoại đạo, nơi ấy không phải là quán mười hai nhân duyên mà là quán về sự quay lại, đó gọi là trí quay lại hòa nhập.

Trí hòa hợp là tùy theo các chúng sinh dùng những pháp môn như thế nào và thế nào dễ dàng phù hợp với nhau. Bồ-tát nhận biết những pháp môn ấy, dựa vào những pháp môn ấy phù hợp với những chúng sinh ấy, như niềm tin-như năng lực và như phần giáo hóa, đó gọi là trí hòa hợp.

Trí vừa ý là Bồ-tát nhận biết ý định của chúng sinh, nhận biết niềm tin của chúng sinh, nhận biết mong cầu của chúng sinh. Nhận biết chúng sinh như vậy Bồ-tát tiến vào việc tu hành của chúng sinh, hòa nhập niềm tin, hòa nhập mong cầu, hòa nhập với mọi ngôn ngữ. Tùy thuận với chúng sinh cho nên Bồ-tát phát khởi sự nghiệp có thể giáo hóa, phát khởi không quay lại như vậy, đó gọi là trí vừa ý.

Trí thứ tự, là Bồ-tát biết nghiệp của chúng sinh, theo thứ tự mà hiểu-lần lượt mà hiểu, đó là trong thừa Thanh văn thì nói đến quả báo của bố thí-trì giới sẽ sinh vào hàng trời người, nói đến lỗi lầm của các ham muốn, nói đến lỗi lầm nhiệm trước của đời sống tại gia, nói đến lợi ích của đời sống xuất gia...

Lại nói đến khổ-tập-diệt-đạo, tiếp đến nói về phần vị của Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm, A-na-hàm, A-la-hán, tiếp đến nói về sự giải thoát không thể hủy hoại tiếp đến nói về sự vô ngại. Ở trong thừa Bích-chi-Phật nói đến lỗi lầm của sự tích trữ và lợi ích của sự phân chia sử dụng, nói đến lỗi lầm của tại gia và lợi ích của xuất gia, nói đến lỗi lầm của hý luận và lợi ích của sự vắng lặng, nói đến lỗi lầm của tụ lạc và lợi ích của A-lan-nhã, nói đến lỗi lầm của nhiều ham muốn-không biết vừa đủ và lợi ích của ít ham muốn-biết vừa đủ. Nói đến sự phòng hộ các căn môn, biết hạn lượng đối với ăn uống từ đầu hôm cho đến rạng sáng hôm sau luôn tinh tiến siêng năng tu hành. Nói đến lỗi lầm của sự nhớ nghĩ tưởng tượng trong pháp quán sát, thích chốn trống trải nhàn nhã. Nói đến sự tôn trọng giới cấm, tôn trọng Tam-muội, và tôn trọng Bát-nhã, không bị quở trách hay ca ngợi về lợi ích riêng mình, khen ngợi pháp sâu xa, không phải người khác biết được...

Ở trong pháp Đại thừa, theo thứ tự giải thích (Ưu-ba-đề-xá) về bố thí-trì giới-nhẫn nhục-tinh tiến, thiên định và trí tuệ, tiếp đến nói về Thật, Xả, Tuệ Diệt. Đó gọi là trí thứ tự.

Lại nói về sự thành tựu tu hành, là phát tâm Bồ đề nói mười câu về nguyện mười câu về Tâm. Mười câu về xa lìa pháp thối chuyển tu hành theo pháp không thối chuyển, ca ngợi tinh tiến kiên cố, ca ngợi tâm kiên cố, ca ngợi trí an trú, đó gọi là Bồ-tát thành tựu sự tu hành.

Thành tựu tu hành là khen ngợi pháp an trú của địa, khen ngợi pháp luôn luôn cứu cánh của địa, nói sâu vào pháp lui sụt của địa, ca ngợi về pháp thanh tịnh của địa, ca ngợi về pháp có thể tiến lên của địa ca ngợi về pháp có thể đạt được trong thời gian an trú của địa. Nói về pháp lui sụt của địa ca ngợi về pháp đắc quả của địa ca ngợi về pháp đắc quả nhờ tập khí của địa. Đó gọi là Bồ-tát thành tựu sự tu hành.

Thành tựu tu hành, là nói về các địa, đó là địa Hoan hỷ, địa Ly cấu, địa Minh, địa Diệm, địa Nan thắng, địa Hiện tiền, địa Viễn hành, địa Bất động, địa Thiện tuệ và địa Pháp vân. Đó gọi là Bồ-tát thành tựu sự tu hành.

Thành tựu tu hành, là bởi vì các Bồ-tát với tâm sâu xa thâm nhiếp các pháp mầu nhiệm tốt đẹp. Đây nói rõ về nghĩa gì? Với tâm sâu xa của Bồ-tát thâm nhiếp các pháp thù thắng vì không đoạn tuyệt Tam bảo, vì giáo hóa chúng sinh mà thực hành hạnh Bồ-đề, vì Nhất thiết chủng trí mà tu tập nghiệp đạo thiện. Vì vậy Bồ-tát thành tựu sự tu hành với thiện nghiệp đạo.

Bồ-tát có năm pháp thâm nhiếp các pháp thù thắng. Đó là:

1. Vì muốn đền đáp công ơn của chư Phật.
2. Vì chính mình cho nên khiến diệu pháp thường trú.
3. Cúng dường chư Phật.
4. Vì muốn làm lợi ích cho Vô lượng chúng sinh.
5. Vì khó được pháp mầu nhiệm.

Pháp ấy lại có năm pháp cho nên gọi là thâm nhiếp pháp diệu. Đó là:

1. Tự mình tu hành đúng như thật.
2. Dạy cho người khác tu hành đúng như thật.
3. Hàng phục sự phá hoại ác độc của các ma.
4. Từ bỏ A-ba-đề-xá bất thiện.
5. Thâm nhiếp Đại A-ba-đề-xá.

Này các Tỳ-kheo! Đó gọi là Bồ-tát thành tựu sự tu hành.

Lại nữa, thành tựu tu hành, bởi vì đã tạo ra nghiệp không thể chê

bai quở trách. Đây nói rõ nghĩa gì? Vì mọi việc mà các Bồ-tát làm là duy trì vững chắc sự tu hành nghiệp đạo thiện... đều không thể chê bai quở trách. Đó gọi là Bồ-tát thành tựu sự tu hành.

Có năm pháp giúp cho các nghiệp thành tựu không thể chê trách.

Đó là:

1. Làm những điều gì thì có thể thành tựu tất cả.
2. Có thể đạt được quả to lớn.
3. Không trái với pháp thiện.
4. Tùy thuận pháp thanh tịnh.
5. Đức hạnh xứng với danh tiếng. Đó gọi là Bồ-tát thành tựu sự tu hành.

